

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW116 - LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lớp: 174701.RCTN25 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 14
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00543	Trần Thị Vân	Anh	4/11/1970	Nữ	8.0	7.0	8.0	7.5	6.5	7.0	
2	17-2-52380107-00168	Nguyễn Mạnh	Cường	2/25/1990	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	6.3	7.6	
3	17-2-52380107-00550	Nguyễn Văn	Hà	9/2/1975	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	9.5	9.4	
4	17-2-52380107-00420	Trần Quỳnh	Nga	11/6/1992	Nữ	10.0	9.0	8.0	8.5	5.3	6.7	
5	17-2-52380107-00546	Hoàng Thảo	Ngọc	2/17/1993	Nữ	8.0	7.5	9.5	8.5	5.0	6.4	
6	17-2-52380107-00421	Nguyễn Thị Minh	Phương	7/14/1984	Nữ	10.0	8.0	7.0	7.5	0.0	3.3	Vắng thi
7	17-2-52380107-00482	Phan Hồng	Thụy	11/22/1980	Nam	8.0	9.0	9.5	9.3	7.3	8.0	
8	17-2-52380107-00481	Vũ Thị	Thùy	5/5/1974	Nữ	10.0	8.0	7.2	7.6	6.5	7.2	
9	17-2-52380107-00424	Vũ Đức	Tuấn	9/16/1989	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	7.9	
10	17-2-52380107-00613	Đỗ Minh	Túc	7/17/1976	Nam	9.0	10.0	9.5	9.8	5.8	7.3	
11	17-2-52380107-00338	Tô Quý	Tùng	10/23/1993	Nam	10.0	8.5	10.0	9.3	6.5	7.7	
12	17-2-52380107-00547	Nguyễn Hoài	Văn	7/7/1991	Nam	8.0	8.5	8.0	8.3	9.0	8.7	
13	17-2-52380107-00495	Nguyễn Quang	Vinh	10/13/1971	Nam	8.0	8.0	8.8	8.4	7.8	8.0	
14	17-2-52380107-00331	Vũ Văn	Đăng	10/4/1982	Nam	10.0	9.0	9.5	9.3	9.3	9.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW116 - LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lớp: 174701.YTN23 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 25
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00160	Nguyễn Tuấn	Anh	8/10/1985	Nam	7.0	7.5	6.5	7.0	9.0	8.2	
2	17-2-52380107-00069	Đặng Văn	Bình	2/17/1979	Nam	8.0	5.0	7.0	6.0	7.8	7.3	
3	17-2-52380107-00303	Vũ Anh	Dũng	8/4/1983	Nam	8.0	9.5	10.0	9.8	9.8	9.6	
4	17-2-52380107-00214	Lưu Đình	Dũng	5/15/1979	Nam	10.0	8.0	9.5	8.8	8.5	8.7	
5	17-2-52380107-00215	Triệu Thị Hương	Giang	6/22/1997	Nữ	10.0	7.5	7.7	7.6	8.0	8.1	
6	17-2-52380107-00071	Chu Đình	Hiền	2/10/1987	Nam	8.0	9.5	9.5	9.5	8.5	8.8	
7	17-2-52380107-00072	Nguyễn Đình	Hiếu	10/19/1982	Nam	8.0	8.3	7.5	7.9	5.5	6.5	
8	17-2-52380107-00399	Nguyễn Anh	Hoàng	6/26/1975	Nam	4.0	10.0	9.5	9.8	0.0	3.3	Vắng thi
9	17-2-52380107-00308	Ngô Thị	Huế	1/16/1988	Nữ	8.0	6.0	7.7	6.9	4.8	5.8	
10	17-2-52380107-00218	Nguyễn Bách	Hùng	9/13/1990	Nam	8.0	7.5	7.2	7.4	9.5	8.7	
11	17-2-52380107-00073	Nguyễn Bảo	Khánh	1/3/1990	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	8.8	9.1	
12	17-2-52380107-00006	Đoàn Văn	Nam	10/3/1998	Nam	0.0	8.0	8.2	8.1	0.0	2.4	Cấm thi
13	17-2-52380107-00314	Nguyễn Thị	Ngân	10/11/1986	Nữ	4.0	9.5	10.0	9.8	9.5	9.0	
14	17-2-52380107-00471	Nguyễn Thái	Ngọc	7/14/1981	Nam	6.0	7.7	9.3	8.5	9.0	8.6	
15	17-2-52380107-00075	Đào Văn	Phước	9/11/1992	Nam	8.0	8.0	8.5	8.3	6.8	7.4	
16	17-2-52380107-00077	Trương Trần Hoàng	Sơn	2/20/1981	Nam	6.0	8.5	10.0	9.3	7.3	7.8	
17	17-2-52380107-00222	Đặng Linh	Sơn	7/30/1994	Nam	8.0	7.5	10.0	8.8	7.0	7.6	
18	17-2-52380107-00224	Nguyễn Đình	Tân	7/18/1979	Nam	8.0	7.0	6.8	6.9	6.3	6.7	
19	17-2-52380107-00078	Nguyễn Hữu	Thống	2/3/1994	Nam	8.0	7.5	8.0	7.8	6.5	7.0	
20	17-2-52380107-00164	Cao Diệu	Thúy	11/10/1985	Nữ	8.0	6.8	4.5	5.7	5.5	5.8	
21	17-2-52380107-00226	Nguyễn Hương	Trà	10/21/1988	Nữ	8.0	9.5	9.5	9.5	7.0	7.9	
22	17-2-52380107-00227	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/5/1990	Nữ	10.0	7.0	8.0	7.5	6.3	7.0	
23	17-2-52380107-00320	Nguyễn Thanh	Tùng	8/15/1986	Nam	9.0	7.0	8.5	7.8	9.0	8.6	
24	17-2-52380107-00228	Nguyễn Hữu	Tuyền	10/1/1988	Nam	4.0	6.5	0.0	3.3	0.0	1.4	Hoãn thi
25	17-2-52380107-00321	Kim Trọng	Tuyền	9/24/1986	Nam	8.0	2.3	10.0	6.2	9.3	8.2	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T*0.6$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW116 - LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lớp: 174701.RCTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00699	Nguyễn Thị Việt	Ánh	8/30/1984	Nữ	8.0	9.0	8.5	8.8	7.3	7.8	
2	17-2-52380107-00686	Nguyễn Thị	Bác	5/6/1979	Nữ	10.0	8.5	8.0	8.3	8.3	8.5	
3	17-2-52380107-00618	Nguyễn Đình	Dương	6/24/1987	Nam	10.0	9.3	10.0	9.7	9.0	9.3	
4	17-2-52380107-00608	Nguyễn Thị Việt	Hà	9/27/1985	Nữ	8.0	9.0	8.3	8.7	10.0	9.4	
5	17-2-52380107-00609	Cao Thị	Hải	1/19/1978	Nữ	8.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.4	
6	17-2-52380107-00611	Nguyễn Quỳnh	Hương	5/8/1980	Nữ	8.0	8.0	8.5	8.3	0.0	3.3	Vắng thi
7	17-2-52380107-00612	Nguyễn Văn	Khánh	5/2/1979	Nam	2.0	6.0	6.5	6.3	4.5	4.8	
8	17-2-52380107-00545	Nguyễn Thị Sao	Mai	8/25/1984	Nữ	10.0	8.8	10.0	9.4	0.0	3.8	Hoãn thi
9	17-2-52380107-00700	Mai Ánh	Nguyệt	8/1/1987	Nữ	10.0	7.8	9.5	8.7	5.5	6.9	
10	17-2-52380107-00685	Nguyễn Chí	Thức	6/24/1983	Nam	4.0	6.5	7.5	7.0	0.0	2.5	Vắng thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T*0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW117 - LUẬT AN SINH XÃ HỘI

Lớp: 174701.RKTN27 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 15
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00614	Vũ Thị	Chi	9/6/1982	Nữ	10.0	8.5	8.5	8.5	5.8	7.0	
2	17-2-52380107-00615	Ngô Thị Kim	Cúc	7/15/1979	Nữ	10.0	9.5	10.0	9.8	7.3	8.3	
3	17-2-52380107-00702	Hà Bách	Du	6/11/1985	Nam	8.0	6.2	6.5	6.4	0.0	2.7	Vắng thi
4	17-2-52380107-00617	Nguyễn Tiến	Dương	2/28/1992	Nam	10.0	7.8	8.5	8.2	7.0	7.7	
5	17-2-52380107-00688	Vũ Quý	Hoàng	11/26/1987	Nam	8.0	9.0	7.0	8.0	6.8	7.3	
6	17-2-52380107-00703	Nguyễn Thị Thu	Huyền	3/17/1991	Nữ	10.0	8.3	8.5	8.4	8.3	8.5	
7	17-2-52380107-00689	Hoàng Thị	Lan	9/11/1980	Nữ	8.0	6.5	7.3	6.9	7.3	7.3	
8	17-2-52380107-00619	Trịnh Văn	Mừng	8/15/1977	Nam	8.0	8.5	9.0	8.8	8.5	8.5	
9	17-2-52380107-00620	Trần Thị Vân	Nga	11/11/1986	Nữ	8.0	8.5	9.0	8.8	6.5	7.3	
10	17-2-52380107-00690	Vũ Ngọc	Sơn	8/17/1987	Nam	5.0	9.0	9.0	9.0	0.0	3.2	Hoãn thi
11	17-2-52380107-00624	Nguyễn Quốc	Tiến	10/10/1983	Nam	8.0	9.5	8.0	8.8	6.8	7.5	
12	17-2-52380107-00625	Hoàng Thu	Trang	9/3/1986	Nữ	6.0	8.3	9.5	8.9	6.8	7.4	
13	17-2-52380107-00554	Cao Thị Hồng	Vân	10/31/1988	Nữ	10.0	9.5	8.5	9.0	6.3	7.5	
14	17-2-52380107-00548	Lê Thanh	Đạo	7/26/1987	Nam	10.0	9.0	9.5	9.3	9.3	9.4	
15	17-2-52380107-00616	Nguyễn Văn	Đức	8/30/1976	Nam	10.0	9.0	8.5	8.8	6.8	7.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW117 - LUẬT AN SINH XÃ HỘI

Lớp: 174701.RKTN25 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 22
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00426	Nguyễn Minh	Anh	11/1/1983	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	0.0	3.8	Vắng thi
2	17-2-52380107-00425	Vũ Thị	Bay	11/20/1983	Nữ	10.0	10.0	9.0	9.5	7.8	8.5	
3	17-2-52380107-00340	Lê Chí	Chinh	10/16/1985	Nam	8.0	5.8	7.3	6.6	7.3	7.2	
4	17-2-52380107-00343	Nguyễn Tiến	Dương	7/6/1979	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	4.0	Hoãn thi
5	17-2-52380107-00348	Ma Ngọc	Hung	2/18/1972	Nam	10.0	9.0	8.3	8.7	9.5	9.3	
6	17-2-52380107-00349	Nguyễn Trọng	Kính	4/10/1963	Nam	10.0	9.2	10.0	9.6	9.0	9.3	
7	17-2-52380107-00487	Nguyễn Thị Khánh	Ly	8/28/1990	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	4.0	Vắng thi
8	17-2-52380107-00351	Triệu Ngọc	Minh	6/4/1984	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.6	
9	17-2-52380107-00488	Lê Đức	Minh	5/29/1971	Nam	10.0	8.0	10.0	9.0	7.8	8.4	
10	17-2-52380107-00428	Nguyễn Quang	Minh	12/1/1979	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	8.5	
11	17-2-52380107-00489	Hoàng Kim	Ngọc	1/20/1958	Nam	4.0	7.0	8.3	7.7	8.0	7.5	
12	17-2-52380107-00431	Lê Quang	Nguyên	1/3/1987	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	8.8	9.0	
13	17-2-52380107-00490	Đồng Thu	Phương	5/30/1988	Nữ	6.0	9.5	9.3	9.4	7.5	7.9	
14	17-2-52380107-00492	Phạm Văn	Trịnh	5/25/1980	Nam	8.0	9.8	9.5	9.7	9.0	9.1	
15	17-2-52380107-00434	Vũ A	Trùng	5/7/1979	Nam	10.0	8.3	7.5	7.9	8.8	8.7	
16	17-2-52380107-00552	Bùi Đức	Trung	7/11/1986	Nam	7.0	9.0	9.5	9.3	0.0	3.5	Vắng thi
17	17-2-52380107-00493	Trần Xuân	Tú	9/19/1977	Nam	10.0	8.5	9.5	9.0	8.5	8.8	
18	17-2-52380107-00435	Phan Thanh	Tùng	10/10/1985	Nam	8.0	9.3	8.8	9.1	8.0	8.3	
19	17-2-52380107-00494	Hà Ngọc	Tuyên	7/25/1982	Nam	8.0	9.0	10.0	9.5	6.0	7.3	
20	17-2-52380107-00553	Trịnh Minh	Ước	10/28/1978	Nam	8.0	10.0	8.0	9.0	0.0	3.5	Vắng thi
21	17-2-52380107-00436	Khúc Văn	Vỹ	6/23/1982	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	8.5	8.9	
22	17-2-52380107-00485	Dương Gia	Định	3/21/1973	Nam	8.0	9.0	9.5	9.3	8.3	8.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW117 - LUẬT AN SINH XÃ HỘI

Lớp: 174701.UCTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00683	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	10/30/1993	Nữ	8.0	9.5	9.5	9.5	7.3	8.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa

TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW117 - LUẬT AN SINH XÃ HỘI

Lớp: 174701.RCTN27 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 10
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00699	Nguyễn Thị Việt	Ánh	8/30/1984	Nữ	8.0	7.0	8.0	7.5	8.5	8.2	
2	17-2-52380107-00686	Nguyễn Thị	Bắc	5/6/1979	Nữ	10.0	9.0	7.5	8.3	8.5	8.6	
3	17-2-52380107-00618	Nguyễn Đình	Dương	6/24/1987	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	9.3	
4	17-2-52380107-00608	Nguyễn Thị Việt	Hà	9/27/1985	Nữ	8.0	8.0	9.5	8.8	9.3	9.0	
5	17-2-52380107-00609	Cao Thị	Hải	1/19/1978	Nữ	8.0	10.0	9.8	9.9	7.8	8.5	
6	17-2-52380107-00611	Nguyễn Quỳnh	Hương	5/8/1980	Nữ	8.0	10.0	10.0	10.0	0.0	3.8	Vắng thi
7	17-2-52380107-00612	Nguyễn Văn	Khánh	5/2/1979	Nam	4.0	8.5	8.0	8.3	9.0	8.3	
8	17-2-52380107-00545	Nguyễn Thị Sao	Mai	8/25/1984	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	4.0	Hoãn thi
9	17-2-52380107-00700	Mai Ánh	Nguyệt	8/1/1987	Nữ	10.0	4.5	5.0	4.8	6.5	6.3	
10	17-2-52380107-00685	Nguyễn Chí	Thức	6/24/1983	Nam	4.0	7.5	8.5	8.0	0.0	2.8	Vắng thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW117 - LUẬT AN SINH XÃ HỘI

Lớp: 174701.RCTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 14

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00543	Trần Thị Vân	Anh	4/11/1970	Nữ	8.0	7.8	8.0	7.9	8.3	8.2	
2	17-2-52380107-00168	Nguyễn Mạnh	Cường	2/25/1990	Nam	8.0	9.0	10.0	9.5	7.5	8.2	
3	17-2-52380107-00550	Nguyễn Văn	Hà	9/2/1975	Nam	10.0	9.0	9.5	9.3	10.0	9.8	
4	17-2-52380107-00420	Trần Quỳnh	Nga	11/6/1992	Nữ	10.0	8.0	8.5	8.3	9.3	9.1	
5	17-2-52380107-00546	Hoàng Thảo	Ngọc	2/17/1993	Nữ	8.0	5.5	9.5	7.5	9.0	8.5	
6	17-2-52380107-00421	Nguyễn Thị Minh	Phương	7/14/1984	Nữ	8.0	7.5	8.0	7.8	0.0	3.1	
7	17-2-52380107-00482	Phan Hồng	Thụy	11/22/1980	Nam	8.0	9.5	9.5	9.5	7.3	8.0	
8	17-2-52380107-00481	Vũ Thị	Thủy	5/5/1974	Nữ	10.0	8.5	8.0	8.3	8.0	8.3	
9	17-2-52380107-00424	Vũ Đức	Tuấn	9/16/1989	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.6	
10	17-2-52380107-00613	Đỗ Minh	Túc	7/17/1976	Nam	9.0	10.0	9.0	9.5	9.0	9.2	
11	17-2-52380107-00338	Tô Quý	Tùng	10/23/1993	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	9.1	
12	17-2-52380107-00547	Nguyễn Hoài	Văn	7/7/1991	Nam	8.0	8.0	8.5	8.3	9.3	8.9	
13	17-2-52380107-00495	Nguyễn Quang	Vinh	10/13/1971	Nam	8.0	9.2	9.5	9.4	8.8	8.9	
14	17-2-52380107-00331	Vũ Văn	Đăng	10/4/1982	Nam	10.0	9.5	8.5	9.0	8.8	9.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW118 - LUẬT TÀI CHÍNH CÔNG

Lớp: 184701.RKTN29 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00004	Lô Phương	Bình	6/11/1987	Nữ	8.0	9.5	10.0	9.8	10.0	9.7	
2	18-2-52380107-00005	Nguyễn Minh	Cường	7/18/1976	Nam	8.0	8.3	9.5	8.9	9.3	9.1	
3	18-2-52380107-00022	Lê Hồng	Dương	1/16/1989	Nam	10.0	9.0	9.2	9.1	8.8	9.0	
4	18-2-52380107-00023	Trần Thị Thu	Hà	8/21/1983	Nữ	8.0	8.0	8.5	8.3	8.3	8.3	
5	18-2-52380107-00006	Phạm Văn	Hanh	11/2/1983	Nam	10.0	9.3	9.5	9.4	9.5	9.5	
6	18-2-52380107-00024	Trần Mạnh	Long	12/22/1983	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	8.5	8.8	
7	18-2-52380107-00025	Nguyễn Văn	Nam	10/16/1986	Nam	10.0	9.7	8.5	9.1	7.5	8.2	
8	18-2-52380107-00026	Nguyễn Huy	Toàn	8/24/1983	Nam	8.0	8.0	8.5	8.3	9.3	8.9	
9	18-2-52380107-00007	Hoàng Văn	Tuấn	12/25/1993	Nam	10.0	6.5	8.5	7.5	9.0	8.7	
10	18-2-52380107-00008	Hoàng Bá	Viết	12/24/1951	Nam	8.0	8.3	6.2	7.3	9.5	8.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW118 - LUẬT TÀI CHÍNH CÔNG

Lớp: 184701.RCTN29 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 8

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00033	Tạ Thị Hồng	Anh	7/25/1995	Nữ	6.0	7.2	7.3	7.3	8.0	7.6	
2	18-2-52380107-00019	Đào Lương	Bình	5/11/1986	Nam	10.0	8.0	7.0	7.5	7.3	7.6	
3	18-2-52380107-00034	Vũ Mạnh	Hùng	9/13/1994	Nam	6.0	7.8	8.0	7.9	5.8	6.5	
4	18-2-52380107-00002	Phạm Thị Quỳnh	Mai	3/30/1975	Nữ	8.0	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	
5	18-2-52380107-00036	Lê Minh	Quý	2/2/1993	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
6	18-2-52380107-00003	Lê Việt	Thắng	11/10/1990	Nam	6.0	9.5	9.5	9.5	7.8	8.1	
7	18-2-52380107-00021	Phạm Văn	Toàn	3/13/1967	Nam	6.0	8.3	7.3	7.8	8.3	7.9	
8	18-2-52380107-00037	Bùi Nguyễn Anh	Tuấn	6/3/1981	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.RKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 22

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00426	Nguyễn Minh	Anh	11/1/1983	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	0.0	3.8	Vắng thi
2	17-2-52380107-00425	Vũ Thị	Bay	11/20/1983	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	8.5	
3	17-2-52380107-00340	Lê Chí	Chinh	10/16/1985	Nam	8.0	6.8	6.7	6.8	8.0	7.6	
4	17-2-52380107-00343	Nguyễn Tiến	Dương	7/6/1979	Nam	10.0	8.5	10.0	9.3	0.0	3.8	Vắng thi
5	17-2-52380107-00348	Ma Ngọc	Hung	2/18/1972	Nam	10.0	8.5	7.7	8.1	8.0	8.2	
6	17-2-52380107-00349	Nguyễn Trọng	Kính	4/10/1963	Nam	10.0	8.8	9.5	9.2	8.0	8.6	
7	17-2-52380107-00487	Nguyễn Thị Khánh	Ly	8/28/1990	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	4.0	Vắng thi
8	17-2-52380107-00351	Triệu Ngọc	Minh	6/4/1984	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	8.5	
9	17-2-52380107-00488	Lê Đức	Minh	5/29/1971	Nam	10.0	7.5	9.5	8.5	8.0	8.4	
10	17-2-52380107-00428	Nguyễn Quang	Minh	12/1/1979	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	7.9	
11	17-2-52380107-00489	Hoàng Kim	Ngọc	1/20/1958	Nam	8.0	6.7	5.5	6.1	6.8	6.7	
12	17-2-52380107-00431	Lê Quang	Nguyễn	1/3/1987	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	8.5	9.0	
13	17-2-52380107-00490	Đồng Thu	Phương	5/30/1988	Nữ	6.0	10.0	9.3	9.7	7.8	8.2	
14	17-2-52380107-00492	Phạm Văn	Trịnh	5/25/1980	Nam	8.0	9.5	9.0	9.3	8.0	8.4	
15	17-2-52380107-00434	Vũ A	Trùng	5/7/1979	Nam	10.0	5.0	6.5	5.8	4.5	5.4	
16	17-2-52380107-00552	Bùi Đức	Trung	7/11/1986	Nam	7.0	7.5	9.0	8.3	0.0	3.2	Vắng thi
17	17-2-52380107-00493	Trần Xuân	Tú	9/19/1977	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	6.0	7.4	
18	17-2-52380107-00435	Phan Thanh	Tùng	10/10/1985	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	8.8	9.1	
19	17-2-52380107-00494	Hà Ngọc	Tuyền	7/25/1982	Nam	8.0	9.5	10.0	9.8	7.8	8.4	
20	17-2-52380107-00553	Trịnh Minh	Ước	10/28/1978	Nam	8.0	9.0	8.5	8.8	0.0	3.4	Vắng thi
21	17-2-52380107-00436	Khúc Văn	Vỹ	6/23/1982	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	5.0	6.8	
22	17-2-52380107-00485	Dương Gia	Định	3/21/1973	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	6.8	7.8	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.RKTN27 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 15
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00614	Vũ Thị	Chi	9/6/1982	Nữ	10.0	9.5	9.0	9.3	6.0	7.4	
2	17-2-52380107-00615	Ngô Thị Kim	Cúc	7/15/1979	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	6.5	7.8	
3	17-2-52380107-00702	Hà Bách	Du	6/11/1985	Nam	8.0	6.0	5.0	5.5	0.0	2.5	Vắng thi
4	17-2-52380107-00617	Nguyễn Tiến	Dương	2/28/1992	Nam	10.0	6.5	8.0	7.3	4.3	5.8	
5	17-2-52380107-00688	Vũ Quý	Hoàng	11/26/1987	Nam	9.0	8.0	7.0	7.5	6.3	6.9	
6	17-2-52380107-00703	Nguyễn Thị Thu	Huyền	3/17/1991	Nữ	10.0	8.3	8.0	8.2	5.5	6.8	
7	17-2-52380107-00689	Hoàng Thị	Lan	9/11/1980	Nữ	8.0	9.0	7.3	8.2	5.5	6.6	
8	17-2-52380107-00619	Trịnh Văn	Mừng	8/15/1977	Nam	8.0	9.5	9.0	9.3	6.3	7.4	
9	17-2-52380107-00620	Trần Thị Vân	Nga	11/11/1986	Nữ	8.0	9.0	8.5	8.8	5.3	6.6	
10	17-2-52380107-00690	Vũ Ngọc	Sơn	8/17/1987	Nam	5.0	10.0	9.5	9.8	0.0	3.4	Vắng thi
11	17-2-52380107-00624	Nguyễn Quốc	Tiến	10/10/1983	Nam	8.0	9.0	7.5	8.3	7.3	7.7	
12	17-2-52380107-00625	Hoàng Thu	Trang	9/3/1986	Nữ	6.0	8.5	8.0	8.3	8.0	7.9	
13	17-2-52380107-00554	Cao Thị Hồng	Vân	10/31/1988	Nữ	10.0	10.0	8.5	9.3	6.3	7.6	
14	17-2-52380107-00548	Lê Thanh	Đạo	7/26/1987	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	9.1	
15	17-2-52380107-00616	Nguyễn Văn	Đức	8/30/1976	Nam	10.0	9.5	6.3	7.9	5.5	6.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.RCTN25 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 14
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00543	Trần Thị Vân	Anh	4/11/1970	Nữ	9.0	7.5	7.8	7.7	6.3	7.0	
2	17-2-52380107-00168	Nguyễn Mạnh	Cường	2/25/1990	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	7.3	8.2	
3	17-2-52380107-00550	Nguyễn Văn	Hà	9/2/1975	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	10.0	9.9	
4	17-2-52380107-00420	Trần Quỳnh	Nga	11/6/1992	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	8.3	8.7	
5	17-2-52380107-00546	Hoàng Thảo	Ngọc	2/17/1993	Nữ	8.0	6.0	9.0	7.5	8.0	7.9	
6	17-2-52380107-00421	Nguyễn Thị Minh	Phương	7/14/1984	Nữ	8.0	8.5	5.5	7.0	0.0	2.9	Vắng thi
7	17-2-52380107-00482	Phan Hồng	Thụy	11/22/1980	Nam	8.0	9.5	10.0	9.8	5.0	6.7	
8	17-2-52380107-00481	Vũ Thị	Thủy	5/5/1974	Nữ	10.0	8.8	8.0	8.4	6.0	7.1	
9	17-2-52380107-00424	Vũ Đức	Tuấn	9/16/1989	Nam	9.0	10.0	10.0	10.0	6.0	7.5	
10	17-2-52380107-00613	Đỗ Minh	Túc	7/17/1976	Nam	8.0	9.5	9.0	9.3	5.0	6.6	
11	17-2-52380107-00338	Tô Quý	Tùng	10/23/1993	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	9.1	
12	17-2-52380107-00547	Nguyễn Hoài	Văn	7/7/1991	Nam	8.0	9.5	9.5	9.5	9.0	9.1	
13	17-2-52380107-00495	Nguyễn Quang	Vinh	10/13/1971	Nam	8.0	9.3	9.7	9.5	7.3	8.0	
14	17-2-52380107-00331	Vũ Văn	Đăng	10/4/1982	Nam	10.0	10.0	9.0	9.5	10.0	9.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



(Chữ ký)
TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.RCTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00699	Nguyễn Thị Việt	Ánh	8/30/1984	Nữ	8.0	9.0	8.0	8.5	9.3	8.9	
2	17-2-52380107-00686	Nguyễn Thị	Bắc	5/6/1979	Nữ	10.0	9.0	6.0	7.5	8.8	8.5	
3	17-2-52380107-00618	Nguyễn Đình	Dương	6/24/1987	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	8.8	9.2	
4	17-2-52380107-00608	Nguyễn Thị Việt	Hà	9/27/1985	Nữ	8.0	8.5	8.0	8.3	8.5	8.4	
5	17-2-52380107-00609	Cao Thị	Hải	1/19/1978	Nữ	8.0	10.0	9.8	9.9	9.5	9.5	
6	17-2-52380107-00611	Nguyễn Quỳnh	Hương	5/8/1980	Nữ	8.0	7.0	10.0	8.5	0.0	3.4	Vắng thi
7	17-2-52380107-00612	Nguyễn Văn	Khánh	5/2/1979	Nam	8.0	6.0	7.5	6.8	6.8	6.9	
8	17-2-52380107-00545	Nguyễn Thị Sao	Mai	8/25/1984	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	0.0	3.9	Hoãn thi
9	17-2-52380107-00700	Mai Ánh	Nguyệt	8/1/1987	Nữ	10.0	6.0	7.0	6.5	7.8	7.6	
10	17-2-52380107-00685	Nguyễn Chí	Thức	6/24/1983	Nam	4.0	6.5	7.3	6.9	0.0	2.5	Vắng thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.UCTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00683	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	10/30/1993	Nữ	8.0	10.0	10.0	10.0	6.0	7.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.UKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00411	Đỗ Thị	Hằng	7/3/1987	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	7.8	8.6	
2	17-2-52380107-00412	Ngô Bảo	Lợi	12/6/1987	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0	7.6	
3	17-2-52380107-00478	Nguyễn Hải	Long	6/18/1966	Nam	10.0	7.5	8.3	7.9	8.5	8.5	
4	17-2-52380107-00413	Ngô Hồng	Mạnh	9/1/1986	Nam	10.0	10.0	9.7	9.9	6.8	8.1	
5	17-2-52380107-00414	Tổng Duy	Tân	5/5/1991	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	6.8	7.9	
6	17-2-52380107-00479	Lê Duy	Tấn	1/10/1981	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	0.0	3.9	Vắng thi
7	17-2-52380107-00325	Lê Tiến	Toàn	3/3/1987	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	8.0	8.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW119 - PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.UKTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00605	Phạm Thị	Bích	5/16/1983	Nữ	6.0	6.0	5.0	5.5	0.0	2.3	Vắng thi
2	17-2-52380107-00606	Tạ Quang	Khải	12/14/1990	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	8.0	8.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW120 - PHÁP LUẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Lớp: 174701.YTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 25

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00160	Nguyễn Tuấn	Anh	8/10/1985	Nam	5.0	5.5	7.0	6.3	5.5	5.7	
2	17-2-52380107-00069	Đặng Văn	Bình	2/17/1979	Nam	8.0	6.5	7.0	6.8	7.8	7.5	
3	17-2-52380107-00303	Vũ Anh	Dũng	8/4/1983	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.5	
4	17-2-52380107-00214	Lưu Đình	Dũng	5/15/1979	Nam	10.0	10.0	9.0	9.5	8.8	9.1	
5	17-2-52380107-00215	Triệu Thị Hương	Giang	6/22/1997	Nữ	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.8	
6	17-2-52380107-00071	Chu Đình	Hiền	2/10/1987	Nam	8.0	6.5	9.5	8.0	8.8	8.5	
7	17-2-52380107-00072	Nguyễn Đình	Hiếu	10/19/1982	Nam	8.0	7.8	8.0	7.9	7.0	7.4	
8	17-2-52380107-00399	Nguyễn Anh	Hoàng	6/26/1975	Nam	4.0	10.0	10.0	10.0	0.0	3.4	Vắng thi
9	17-2-52380107-00308	Ngô Thị	Huế	1/16/1988	Nữ	8.0	8.0	7.8	7.9	4.8	6.1	
10	17-2-52380107-00218	Nguyễn Bách	Hùng	9/13/1990	Nam	8.0	6.8	7.7	7.3	7.3	7.4	
11	17-2-52380107-00073	Nguyễn Bảo	Khánh	1/3/1990	Nam	10.0	9.2	8.8	9.0	7.3	8.1	
12	17-2-52380107-00006	Đoàn Văn	Nam	10/3/1998	Nam	0.0	8.5	7.8	8.2	0.0	2.5	Cấm thi
13	17-2-52380107-00314	Nguyễn Thị	Ngân	10/11/1986	Nữ	4.0	10.0	10.0	10.0	4.5	6.1	
14	17-2-52380107-00471	Nguyễn Thái	Ngọc	7/14/1981	Nam	6.0	6.0	9.3	7.7	8.8	8.2	
15	17-2-52380107-00075	Đào Văn	Phước	9/11/1992	Nam	8.0	7.8	9.5	8.7	8.8	8.7	
16	17-2-52380107-00077	Trương Trần Hoàng	Sơn	2/20/1981	Nam	4.0	10.0	10.0	10.0	8.3	8.4	
17	17-2-52380107-00222	Đặng Linh	Sơn	7/30/1994	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	4.8	6.6	
18	17-2-52380107-00224	Nguyễn Đình	Tân	7/18/1979	Nam	8.0	8.2	6.7	7.5	8.8	8.3	
19	17-2-52380107-00078	Nguyễn Hữu	Thống	2/3/1994	Nam	8.0	7.8	8.0	7.9	8.8	8.5	
20	17-2-52380107-00164	Cao Diệu	Thúy	11/10/1985	Nữ	8.0	6.7	5.5	6.1	6.3	6.4	
21	17-2-52380107-00226	Nguyễn Hương	Trà	10/21/1988	Nữ	8.0	10.0	9.0	9.5	5.8	7.1	
22	17-2-52380107-00227	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/5/1990	Nữ	10.0	6.0	7.5	6.8	8.3	8.0	
23	17-2-52380107-00320	Nguyễn Thanh	Tùng	8/15/1986	Nam	8.0	8.5	9.5	9.0	7.8	8.2	
24	17-2-52380107-00228	Nguyễn Hữu	Tuyền	10/1/1988	Nam	4.0	6.3	0.0	3.2	0.0	1.4	Hoãn thi
25	17-2-52380107-00321	Kim Trọng	Tuyền	9/24/1986	Nam	8.0	3.5	10.0	6.8	5.8	6.3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW401 - LUẬT CÔNG TY SO SÁNH

Lớp: 174701.UKTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00166	Trịnh Tuấn	Cường	6/4/1974	Nam	10.0	9.3	9.3	9.3	9.5	9.5	
2	17-2-52380107-00231	Trần Quốc	Hoàn	27/12/1986	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	9.5	9.6	
3	17-2-52380107-00084	Nguyễn Công	Nghĩa	24/08/1982	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.6	
4	17-2-52380107-00232	Vũ Như	Ngọc	4/4/1992	Nam	9.0	9.5	9.5	9.5	9.3	9.3	
5	17-2-52380107-00167	Trương Thanh	Sử	5/3/1980	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	9.5	9.6	
6	17-2-52380107-00087	Hà Văn	Xoan	28/01/1979	Nam	8.0	8.8	9.8	9.3	9.5	9.3	
7	17-2-52380107-00081	Hà Lục	Đông	1/9/1986	Nam	6.0	9.0	7.5	8.3	9.3	8.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW401 - LUẬT CÔNG TY SO SÁNH

Lớp: 164701.YTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 24

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	15-2-52380107-00627	Nguyễn Tiến	Am	2/20/1981	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	9.0	9.2	
2	15-2-52380107-00531	Lê Duy	An	2/5/1981	Nam	10.0	0.0	7.3	3.7	9.5	7.8	
3	15-2-52380107-00532	Nguyễn Văn	Chuẩn	8/10/1987	Nam	10.0	7.8	0.0	3.9	9.5	7.9	
4	16-2-52380107-00018	Vũ Mạnh	Cường	4/20/1997	Nam	7.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.4	
5	16-2-52380107-00001	Nguyễn Thị Kim	Dung	5/29/1964	Nữ	10.0	9.7	9.3	9.5	9.8	9.7	
6	15-2-52380107-00629	Phạm Văn	Hiệu	1/1/1987	Nam	8.0	7.5	7.0	7.3	9.8	8.9	
7	16-2-52380107-00002	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	3/13/1980	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
8	15-2-52380107-00630	Phạm Thanh	Huyền	3/16/1982	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	
9	16-2-52380107-00081	Nguyễn Văn	Kha	10/5/1979	Nam	8.0	9.5	10.0	9.8	10.0	9.7	
10	16-2-52380107-00022	Nguyễn Văn	Lực	9/20/1987	Nam	8.0	9.0	7.0	8.0	10.0	9.2	
11	15-2-52380107-00540	Nguyễn Văn	Minh	4/8/1986	Nam	8.0	8.3	10.0	9.2	10.0	9.6	
12	15-2-52380107-00633	Tô Hồng	Minh	4/20/1996	Nam	8.0	7.0	6.5	6.8	0.0	2.8	
13	15-2-52380107-00634	Vũ Văn	Năng	1/4/1982	Nam	8.0	9.5	9.0	9.3	9.0	9.0	
14	16-2-52380107-00023	Nguyễn Bá	Phong	6/7/1985	Nam	8.0	9.5	7.0	8.3	10.0	9.3	
15	16-2-52380107-00004	Chu Quyết	Phượng	7/5/1977	Nam	8.0	5.5	7.3	6.4	8.8	8.0	
16	15-2-52380107-00543	Vũ Đình	Thơm	10/5/1985	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	9.0	9.3	
17	16-2-52380107-00025	Đỗ Đức	Thuần	1/31/1988	Nam	10.0	7.5	7.2	7.4	0.0	3.2	
18	16-2-52380107-00026	Nguyễn Thị	Thủy	1/1/1983	Nữ	9.0	9.0	9.5	9.3	10.0	9.7	
19	15-2-52380107-00640	Phạm Xuân	Tinh	11/9/1969	Nam	9.0	9.3	9.5	9.4	7.5	8.2	
20	16-2-52380107-00027	Nguyễn Khánh	Toàn	11/22/1987	Nam	9.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.6	
21	16-2-52380107-00028	Hà Ngọc	Tú	1/1/1979	Nam	6.0	9.5	8.5	9.0	9.5	9.0	
22	16-2-52380107-00029	Nguyễn Hoàng	Xuân	3/18/1994	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
23	15-2-52380107-00644	Nguyễn Thị Hải	Yến	2/18/1990	Nữ	10.0	9.2	9.0	9.1	10.0	9.7	
24	15-2-52380107-00628	Lưu Quang	Đỉnh	8/16/1986	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

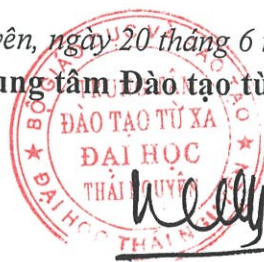
$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW402 - ĐẠI DIỆN VÀ THƯƠNG NHÂN TRUNG GIAN

Lớp: 174701.UKTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00166	Trịnh Tuấn	Cường	6/4/1974	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	8.8	9.0	
2	17-2-52380107-00231	Trần Quốc	Hoàn	27/12/1986	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	8.3	8.9	
3	17-2-52380107-00084	Nguyễn Công	Nghĩa	24/08/1982	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	9.5	9.6	
4	17-2-52380107-00232	Vũ Như	Ngọc	4/4/1992	Nam	8.0	10.0	9.0	9.5	8.8	8.9	
5	17-2-52380107-00167	Trương Thanh	Sử	5/3/1980	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
6	17-2-52380107-00087	Hà Văn	Xoan	28/01/1979	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	9.3	9.4	
7	17-2-52380107-00081	Hà Lục	Đông	1/9/1986	Nam	6.0	8.5	8.5	8.5	8.0	8.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW402 - ĐẠI DIỆN VÀ THƯƠNG NHÂN TRUNG GIAN

Lớp: 164701.YTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 24

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	15-2-52380107-00627	Nguyễn Tiến	Am	2/20/1981	Nam	9.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.9	
2	15-2-52380107-00531	Lê Duy	An	2/5/1981	Nam	10.0	8.5	8.8	8.7	8.8	8.9	
3	15-2-52380107-00532	Nguyễn Văn	Chuẩn	8/10/1987	Nam	10.0	7.5	9.5	8.5	7.5	8.1	
4	16-2-52380107-00018	Vũ Mạnh	Cường	4/20/1997	Nam	7.0	9.5	10.0	9.8	10.0	9.6	
5	16-2-52380107-00001	Nguyễn Thị Kim	Dung	5/29/1964	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
6	15-2-52380107-00629	Phạm Văn	Hiệu	1/1/1987	Nam	8.0	9.0	8.0	8.5	9.3	8.9	
7	16-2-52380107-00002	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	3/13/1980	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	8.8	9.2	
8	15-2-52380107-00630	Phạm Thanh	Huyền	3/16/1982	Nữ	10.0	9.0	9.5	9.3	9.0	9.2	
9	16-2-52380107-00081	Nguyễn Văn	Kha	10/5/1979	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.5	
10	16-2-52380107-00022	Nguyễn Văn	Lực	9/20/1987	Nam	7.0	9.0	8.5	8.8	8.5	8.4	
11	15-2-52380107-00540	Nguyễn Văn	Minh	4/8/1986	Nam	8.0	9.0	9.0	9.0	8.5	8.6	
12	15-2-52380107-00633	Tô Hồng	Minh	4/20/1996	Nam	8.0	7.5	6.0	6.8	0.0	2.8	
13	15-2-52380107-00634	Vũ Văn	Năng	1/4/1982	Nam	8.0	9.5	8.5	9.0	9.8	9.4	
14	16-2-52380107-00023	Nguyễn Bá	Phong	6/7/1985	Nam	8.0	9.5	7.5	8.5	9.5	9.1	
15	16-2-52380107-00004	Chu Quyết	Phượng	7/5/1977	Nam	8.0	5.0	6.7	5.9	7.5	7.1	
16	15-2-52380107-00543	Vũ Đình	Thơm	10/5/1985	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	9.1	
17	16-2-52380107-00025	Đỗ Đức	Thuần	1/31/1988	Nam	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	3.6	
18	16-2-52380107-00026	Nguyễn Thị	Thủy	1/1/1983	Nữ	9.0	9.5	10.0	9.8	9.3	9.4	
19	15-2-52380107-00640	Phạm Xuân	Tinh	11/9/1969	Nam	9.0	9.8	9.5	9.7	8.8	9.1	
20	16-2-52380107-00027	Nguyễn Khánh	Toàn	11/22/1987	Nam	9.0	10.0	9.5	9.8	9.5	9.5	
21	16-2-52380107-00028	Hà Ngọc	Tú	1/1/1979	Nam	6.0	9.5	8.8	9.2	9.5	9.1	
22	16-2-52380107-00029	Nguyễn Hoàng	Xuân	3/18/1994	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	
23	15-2-52380107-00644	Nguyễn Thị Hải	Yến	2/18/1990	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	9.5	9.6	
24	15-2-52380107-00628	Lưu Quang	Đỉnh	8/16/1986	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW405 - MUA BÁN, SÁP NHẬP VÀ HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

Lớp: 174701.UKTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52380107-00166	Trịnh Tuấn	Cường	6/4/1974	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	9.8	9.7	
2	17-2-52380107-00231	Trần Quốc	Hoàn	27/12/1986	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	8.3	8.9	
3	17-2-52380107-00084	Nguyễn Công	Nghĩa	24/08/1982	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	
4	17-2-52380107-00232	Vũ Như	Ngọc	4/4/1992	Nam	9.0	10.0	9.0	9.5	9.3	9.3	
5	17-2-52380107-00167	Trương Thanh	Sử	5/3/1980	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
6	17-2-52380107-00087	Hà Văn	Xoan	28/01/1979	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	10.0	9.7	
7	17-2-52380107-00081	Hà Lục	Đông	1/9/1986	Nam	6.0	9.0	8.0	8.5	9.5	8.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW405 - MUA BÁN, SÁP NHẬP VÀ HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

Lớp: 164701.YTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 24

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	15-2-52380107-00627	Nguyễn Tiến	Am	2/20/1981	Nam	9.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.9	
2	15-2-52380107-00531	Lê Duy	An	2/5/1981	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	
3	15-2-52380107-00532	Nguyễn Văn	Chuẩn	8/10/1987	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	8.8	
4	16-2-52380107-00018	Vũ Mạnh	Cường	4/20/1997	Nam	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.7	
5	16-2-52380107-00001	Nguyễn Thị Kim	Dung	5/29/1964	Nữ	10.0	9.8	10.0	9.9	9.5	9.7	
6	15-2-52380107-00629	Phạm Văn	Hiệu	1/1/1987	Nam	8.0	9.0	9.0	9.0	9.5	9.2	
7	16-2-52380107-00002	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	3/13/1980	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	
8	15-2-52380107-00630	Phạm Thanh	Huyền	3/16/1982	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.6	
9	16-2-52380107-00081	Nguyễn Văn	Kha	10/5/1979	Nam	8.0	9.3	9.0	9.2	9.8	9.4	
10	16-2-52380107-00022	Nguyễn Văn	Lực	9/20/1987	Nam	7.0	9.0	0.0	4.5	9.8	7.9	
11	15-2-52380107-00540	Nguyễn Văn	Minh	4/8/1986	Nam	8.0	10.0	6.5	8.3	9.5	9.0	
12	15-2-52380107-00633	Tô Hồng	Minh	4/20/1996	Nam	8.0	8.0	8.5	8.3	0.0	3.3	Vắng thi
13	15-2-52380107-00634	Vũ Văn	Năng	1/4/1982	Nam	7.0	9.0	9.5	9.3	9.5	9.2	
14	16-2-52380107-00023	Nguyễn Bá	Phong	6/7/1985	Nam	8.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	
15	16-2-52380107-00004	Chu Quyết	Phượng	7/5/1977	Nam	8.0	9.0	6.5	7.8	9.5	8.8	
16	15-2-52380107-00543	Vũ Đình	Thơm	10/5/1985	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
17	16-2-52380107-00025	Đỗ Đức	Thuần	1/31/1988	Nam	7.0	10.0	9.5	9.8	0.0	3.6	Vắng thi
18	16-2-52380107-00026	Nguyễn Thị	Thủy	1/1/1983	Nữ	9.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.9	
19	15-2-52380107-00640	Phạm Xuân	Tinh	11/9/1969	Nam	9.0	10.0	9.5	9.8	9.8	9.7	
20	16-2-52380107-00027	Nguyễn Khánh	Toàn	11/22/1987	Nam	9.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.9	
21	16-2-52380107-00028	Hà Ngọc	Tú	1/1/1979	Nam	6.0	9.5	8.5	9.0	9.8	9.2	
22	16-2-52380107-00029	Nguyễn Hoàng	Xuân	3/18/1994	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.7	
23	15-2-52380107-00644	Nguyễn Thị Hải	Yến	2/18/1990	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	
24	15-2-52380107-00628	Lưu Quang	Đỉnh	8/16/1986	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN303 - TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 184201.CKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00146	Nhữ Thế	Anh	11/10/1994	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	7.5	8.3	
2	18-2-52340101-00206	Mâu Tiến	Dũng	21/07/1988	Nam	10.0	8.5	8.5	8.5	7.3	7.9	
3	18-2-52340101-00207	Nguyễn Thị	Huệ	1/10/1985	Nữ	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
4	18-2-52340101-00118	Nguyễn Khánh	Ly	6/11/1993	Nữ	6.0	9.0	9.5	9.3	9.3	9.0	
5	18-2-52340101-00150	Bùi Huy	Thắng	4/9/1986	Nam	8.0	9.0	0.0	4.5	0.0	2.2	Vắng thi
6	18-2-52340101-00120	Trịnh Tiến	Thành	1/11/1982	Nam	6.0	9.5	9.5	9.5	9.0	8.9	
7	18-2-52340101-00205	Tường Duy	Đức	24/11/1969	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	8.5	8.8	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa





TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN303 - TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 184201.DCTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 3

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00108	Phạm Thị Thanh	Phương	2/9/1989	Nữ	8.0	8.5	9.0	8.8	9.5	9.1	
2	18-2-52340101-00106	Nguyễn Tiến	Đạt	28/02/1991	Nam	6.0	10.0	10.0	10.0	8.8	8.9	
3	18-2-52340101-00196	Nguyễn Trọng	Đạt	2/1/1991	Nam	7.0	8.0	0.0	4.0	6.8	6.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN303 - TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 184201.DKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 8

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00198	Mai Đức	Anh	17/03/1993	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	8.8	9.2	
2	18-2-52340101-00142	Mai Sĩ	Cường	8/12/1993	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	7.5	8.1	
3	18-2-52340101-00199	Nguyễn Thùy	Dương	22/09/1988	Nữ	10.0	9.5	9.5	9.5	9.0	9.3	
4	18-2-52340101-00201	Hoàng Văn	Huyền	11/11/1986	Nam	7.0	6.5	7.5	7.0	8.8	8.1	
5	18-2-52340101-00144	Nguyễn Năng	Quang	13/11/1993	Nam	4.0	9.5	0.0	4.8	0.0	1.8	Vắng thi
6	18-2-52340101-00145	Nguyễn Văn	Quang	9/7/1989	Nam	4.0	6.0	6.5	6.3	8.8	7.6	
7	18-2-52340101-00112	Phạm Thị	Quỳnh	10/9/1995	Nữ	8.0	6.8	7.0	6.9	8.3	7.9	
8	18-2-52340101-00114	Nguyễn Văn	Vũ	26/04/1988	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	9.0	9.3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

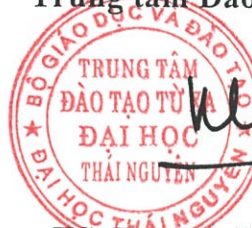
$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN303 - TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 184201.OTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 48

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00175	Lý Thị	Ánh	22/03/1995	Nữ	2.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.1	
2	18-2-52340101-00176	Đỗ Văn	Bắc	1/8/1991	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	8.0	8.7	
3	18-2-52340101-00073	Lê Văn	Bích	16/10/1985	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	0.0	3.9	Vắng thi
4	18-2-52340101-00074	Trần Văn	Chiến	13/01/1997	Nam	6.0	10.0	0.0	5.0	6.8	6.2	
5	18-2-52340101-00213	Lương Thị	Chiến	18/10/1993	Nữ	0.0	10.0	9.5	9.8	0.0	2.9	Cần thi
6	18-2-52340101-00122	Phan Văn	Chương	19/10/1991	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	8.3	8.8	
7	18-2-52340101-00075	La Tài	Cương	15/09/1996	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	5.8	7.5	
8	18-2-52340101-00077	Đỗ Văn	Cường	14/11/1995	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	5.3	6.9	
9	18-2-52340101-00076	Phạm Trung	Cường	1/1/1985	Nam	6.0	9.5	9.5	9.5	7.0	7.7	
10	18-2-52340101-00078	Lê Mạnh	Cường	13/07/1977	Nam	10.0	10.0	8.7	9.4	8.8	9.1	
11	18-2-52340101-00081	Nguyễn Xuân	Hạ	22/02/1986	Nam	8.0	9.0	10.0	9.5	6.8	7.7	
12	18-2-52340101-00124	Hoàng Văn	Hà	1/1/1987	Nam	8.0	8.5	8.5	8.5	0.0	3.4	Hoãn thi
13	18-2-52340101-00179	Bùi Thị	Hà	3/9/1996	Nữ	9.0	9.0	10.0	9.5	6.0	7.4	
14	18-2-52340101-00085	Bạch Thị	Hậu	12/8/1998	Nữ	10.0	9.0	10.0	9.5	8.5	9.0	
15	18-2-52340101-00180	Ma Đình	Hiền	4/11/1994	Nam	8.0	0.0	9.5	4.8	0.0	2.2	Vắng thi
16	18-2-52340101-00127	Phạm Văn	Hòa	18/08/1994	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	7.0	8.1	
17	18-2-52340101-00086	Lê Ngọc	Hoàng	20/11/1990	Nam	8.0	9.5	10.0	9.8	5.3	6.9	
18	18-2-52340101-00087	Trần Văn	Huân	28/01/1988	Nam	8.0	9.0	7.5	8.3	7.5	7.8	
19	18-2-52340101-00129	Nguyễn Thị Lan	Hương	19/02/1988	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	9.3	
20	18-2-52340101-00089	Đặng Đình	Huy	13/11/1996	Nam	8.0	8.5	9.5	9.0	6.0	7.1	
21	18-2-52340101-00369	Khuất Đình	Kiên	1/1/1980	Nam	10.0	5.3	10.0	7.7	8.8	8.6	
22	18-2-52340101-00093	Nguyễn Thị	Lâm	25/04/1995	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	9.3	
23	18-2-52340101-00095	Đào Trọng	Lịch	17/06/1995	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0	7.6	
24	18-2-52340101-00183	Trần Thị Thùy	Linh	24/05/1999	Nữ	10.0	9.0	8.0	8.5	7.3	7.9	
25	18-2-52340101-00130	Trần Nhật	Minh	30/01/1991	Nam	4.0	10.0	10.0	10.0	7.5	7.9	
26	18-2-52340101-00096	Ngô Thị	Mỹ	16/10/1992	Nữ	10.0	9.5	10.0	9.8	7.5	8.4	
27	18-2-52340101-00131	Vũ Minh	Nghĩa	9/6/1984	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	4.0	Vắng thi
28	18-2-52340101-00098	Nguyễn Sỹ	Nguyễn	6/3/1987	Nam	10.0	8.8	10.0	9.4	8.0	8.6	
29	18-2-52340101-00132	Nguyễn Thị	Nhâm	20/05/1978	Nữ	10.0	9.5	10.0	9.8	8.3	8.9	
30	18-2-52340101-00133	Trương Tuấn	Phương	13/10/1979	Nam	10.0	8.0	6.5	7.3	5.3	6.4	

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
31	18-2-52340101-00099	Trần Viết	Quang	4/9/1982	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	5.3	7.1	
32	18-2-52340101-00186	Nguyễn Huy	Quang	9/6/1981	Nam	6.0	8.0	9.5	8.8	8.0	8.0	
33	18-2-52340101-00135	Vũ Văn	Sang	17/09/1996	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.6	
34	18-2-52340101-00100	Lưu Văn	Sáng	27/09/1989	Nam	8.0	8.0	7.5	7.8	7.5	7.6	
35	18-2-52340101-00136	Lê Ngọc	Sơn	25/11/1992	Nam	9.0	6.5	7.5	7.0	7.8	7.7	
36	18-2-52340101-00101	Hoàng Văn	Thanh	11/8/1984	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	7.8	8.6	
37	18-2-52340101-00058	Vũ Văn	Thường	19/04/1984	Nam	10.0	9.0	10.0	9.5	6.3	7.6	
38	18-2-52340101-00139	Nguyễn Trọng	Thường	25/08/1995	Nam	8.0	9.0	9.5	9.3	8.3	8.6	
39	18-2-52340101-00102	Thân Thị Huyền	Trang	3/1/1992	Nữ	3.0	10.0	10.0	10.0	0.0	3.3	Vắng thi
40	18-2-52340101-00190	Nguyễn Thị	Trang	26/05/1994	Nữ	4.0	6.8	6.0	6.4	7.8	7.0	
41	18-2-52340101-00192	Nguyễn Văn	Trung	13/06/1986	Nam	6.0	8.5	9.0	8.8	6.8	7.3	
42	18-2-52340101-00061	Lê Văn	Tuấn	17/12/1990	Nam	10.0	9.0	9.5	9.3	7.5	8.3	
43	18-2-52340101-00194	Nguyễn Văn	Tuấn	19/07/1987	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	7.8	8.5	
44	18-2-52340101-00141	Nguyễn Trọng	Tùng	9/7/1995	Nam	10.0	8.5	10.0	9.3	8.5	8.9	
45	18-2-52340101-00195	Quách Duy	Tuyên	20/05/1985	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	
46	18-2-52340101-00105	Đoàn Như	Vũ	25/11/1989	Nam	7.0	9.0	9.5	9.3	7.0	7.7	
47	18-2-52340101-00123	Phạm Xuân	Đà	28/02/1991	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	6.0	7.4	
48	18-2-52340101-00079	Tạ Tiến	Đạt	2/12/1990	Nam	2.0	10.0	0.0	5.0	0.0	1.7	Vắng thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



(Chữ ký)

TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN402 - HỆ THÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Lớp: 184201.DCTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 3

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00108	Phạm Thị Thanh	Phương	2/9/1989	Nữ	8.0	8.5	9.5	9.0	8.0	8.3	
2	18-2-52340101-00106	Nguyễn Tiến	Đạt	28/02/1991	Nam	7.0	10.0	10.0	10.0	8.0	8.5	
3	18-2-52340101-00196	Nguyễn Trọng	Đạt	2/1/1991	Nam	7.0	9.0	0.0	4.5	6.8	6.1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN402 - HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Lớp: 184101.AKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 13

Ngành: Kế Toán

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340301-00059	Nguyễn Thị	Hương	1/10/1992	Nữ	10.0	9.5	9.0	9.3	0.0	3.8	Hoãn thi
2	18-2-52340301-00039	Trịnh Quang	Huy	12/10/1980	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
3	18-2-52340301-00025	Nguyễn Hồng	Liên	14/08/1990	Nữ	8.0	9.2	9.5	9.4	8.8	8.9	
4	18-2-52340301-00026	Đường Thị	Mai	15/02/1982	Nữ	6.0	6.3	6.8	6.6	7.0	6.8	
5	18-2-52340301-00027	Bùi Thị	Nhuận	8/6/1990	Nữ	9.0	10.0	8.5	9.3	8.3	8.7	
6	18-2-52340301-00018	Đào Thị	Phượng	26/04/1994	Nữ	10.0	9.7	10.0	9.9	8.3	9.0	
7	18-2-52340301-00041	Nguyễn Thị	Thanh	4/2/1986	Nữ	10.0	8.5	9.0	8.8	7.8	8.3	
8	18-2-52340301-00028	Trần Thủy	Tiên	10/9/1993	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	4.0	Vắng thi
9	18-2-52340301-00042	Đào Thị	Tiến	16/01/1989	Nữ	10.0	9.5	10.0	9.8	7.8	8.6	
10	18-2-52340301-00061	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3/3/1988	Nữ	10.0	9.8	9.8	9.8	9.0	9.3	
11	18-2-52340301-00029	Ngô Thị	Vân	14/01/1985	Nữ	10.0	7.0	8.5	7.8	9.8	9.2	
12	18-2-52340301-00030	Nguyễn Quốc	Việt	26/04/1978	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	9.0	
13	18-2-52340301-00038	Nguyễn Minh	Đức	27/12/1991	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	8.3	8.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN402 - HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Lớp: 184101.ACTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 3
Ngành: Kế Toán

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340301-00023	Trần Thị Ngọc	Hà	10/3/1990	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.5	
2	18-2-52340301-00036	Nguyễn Thúy	Hạnh	13/05/1984	Nữ	10.0	9.0	10.0	9.5	8.8	9.1	
3	18-2-52340301-00056	Trịnh Quốc	Hung	16/10/1979	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	8.5	9.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN403 - HÀNH VI TỔ CHỨC

Lớp: 174101.BKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Kế Toán

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00186	Mông Thị	Hương	1/4/1989	Nữ	10.0	8.0	8.0	8.0	9.5	9.1	
2	17-2-52340301-00184	Phan Thị	Đào	8/20/1983	Nữ	9.0	5.5	8.5	7.0	9.0	8.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN403 - HÀNH VI TỔ CHỨC

Lớp: 174101.ETN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 5

Ngành: Kế Toán

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00172	Bùi Thị	An	8/2/1989	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	9.0	9.3	
2	17-2-52340301-00235	Bùi Thị Ngọc	Lan	1/19/1986	Nữ	10.0	9.5	9.0	9.3	8.0	8.6	
3	17-2-52340301-00236	Nguyễn Thị	Lệ	10/9/1982	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	9.3	
4	17-2-52340301-00237	Phạm Thùy	Linh	10/27/1990	Nữ	8.0	9.5	9.5	9.5	9.0	9.1	
5	17-2-52340301-00238	Phạm Hồng Bích	Ngọc	9/14/1987	Nữ	10.0	9.5	8.5	9.0	9.3	9.3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa





TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN403 - HÀNH VI TỔ CHỨC

Lớp: 174201.DKTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 5

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340101-00622	Nguyễn Văn	Bảy	11/19/1975	Nam	10.0	8.3	8.8	8.6	9.8	9.5	
2	17-2-52340101-00528	Nguyễn Tiến	Hà	8/9/1993	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.6	
3	17-2-52340101-00466	Khúc Thị	Hậu	7/9/1991	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.7	
4	17-2-52340101-00530	Nguyễn Hải	Hung	9/15/1980	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	8.4	
5	17-2-52340101-00532	Cao Văn	Nhất	11/8/1991	Nam	10.0	8.8	8.8	8.8	9.5	9.3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN403 - HÀNH VI TỔ CHỨC

Lớp: 174101.BKTN27 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 1
Ngành: Kế Toán

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00370	Lê Thị	Hằng	29/10/1991	Nữ	10.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN403 - HÀNH VI TỔ CHỨC

Lớp: 174101.ETN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Kế Toán

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00427	Nguyễn Thị Hồng	Chi	29/08/1988	Nữ	10.0	9.0	7.8	8.4	9.5	9.2	
2	17-2-52340301-00353	Kim Thị	Hào	6/2/1983	Nữ	4.0	9.5	8.0	8.8	9.5	8.7	
3	17-2-52340301-00428	Ngô Thị	Hường	21/03/1983	Nữ	10.0	9.0	10.0	9.5	9.3	9.4	
4	17-2-52340301-00354	Lê Thị	Khuy	16/08/1987	Nữ	8.0	8.5	10.0	9.3	9.8	9.5	
5	17-2-52340301-00356	Nguyễn Thị Hà	Phương	3/3/1984	Nữ	10.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.3	
6	17-2-52340301-00430	Lê Thị Hải	Vân	15/11/1988	Nữ	10.0	9.5	10.0	9.8	9.5	9.6	
7	17-2-52340301-00357	Nguyễn Thị	Yến	15/11/1975	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN403 - HÀNH VI TỔ CHỨC

Lớp: 174201.DKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 13

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340101-00232	Trần Anh	Dũng	9/11/1984	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	9.3	9.4	
2	17-2-52340101-00467	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/10/1987	Nữ	8.0	10.0	10.0	10.0	8.3	8.8	
3	17-2-52340101-00282	Nguyễn Hữu	Hiếu	23/07/1991	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	9.0	
4	17-2-52340101-00310	Nguyễn Văn	Hòa	19/11/1992	Nam	6.0	9.5	9.5	9.5	9.0	8.9	
5	17-2-52340101-00311	Đình Văn	Lâm	17/09/1992	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	9.3	
6	17-2-52340101-00312	Kiều Thị	Minh	22/06/1993	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0	9.4	
7	17-2-52340101-00405	Đỗ Ngọc	Phương	15/09/1991	Nam	6.0	10.0	10.0	10.0	9.8	9.5	
8	17-2-52340101-00468	Đỗ Đức	Quân	26/06/1983	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.5	9.7	
9	17-2-52340101-00315	Nguyễn Ngọc	Tân	24/05/1977	Nam	6.0	8.8	10.0	9.4	8.5	8.5	
10	17-2-52340101-00316	Trần Nhật	Tân	11/8/1974	Nam	10.0	9.0	10.0	9.5	7.5	8.4	
11	17-2-52340101-00317	Phạm Thị	Thảo	6/7/1992	Nữ	10.0	10.0	9.5	9.8	8.8	9.2	
12	17-2-52340101-00406	Quảng Văn	Thuân	8/9/1993	Nam	10.0	7.5	8.0	7.8	8.3	8.3	
13	17-2-52340101-00469	Đàm Quang	Vinh	20/10/1979	Nam	10.0	0.0	10.0	5.0	8.5	7.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN413 - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 174701.UKTN23 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 7
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017
Ngày thi: 26/05/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B	T	D	
1	17-2-52380107-00166	Trịnh Tuấn	Cường	6/4/1974	Nam	10.0	5.0	5.0	8.5	7.6	
2	17-2-52380107-00231	Trần Quốc	Hoàn	27/12/1986	Nam	10.0	5.0	5.0	6.0	6.1	
3	17-2-52380107-00084	Nguyễn Công	Nghĩa	24/08/1982	Nam	10.0	5.0	5.0	8.0	7.3	
4	17-2-52380107-00232	Vũ Như	Ngọc	4/4/1992	Nam	7.0	5.0	5.0	4.0	4.6	
5	17-2-52380107-00167	Trương Thanh	Sử	5/3/1980	Nam	10.0	5.0	5.0	4.5	5.2	
6	17-2-52380107-00087	Hà Văn	Xoan	28/01/1979	Nam	10.0	5.0	5.0	5.5	5.8	
7	17-2-52380107-00081	Hà Lục	Đông	1/9/1986	Nam	6.0	4.0	4.0	4.5	4.5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN413 - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 164701.YTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 24

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B	T	D	
1	15-2-52380107-00627	Nguyễn Tiến	Am	2/20/1981	Nam	10.0	6.4	6.4	3.0	4.7	
2	15-2-52380107-00531	Lê Duy	An	2/5/1981	Nam	9.0	3.0	3.0	2.0	3.0	
3	15-2-52380107-00532	Nguyễn Văn	Chuẩn	8/10/1987	Nam	10.0	3.0	3.0	3.0	3.7	
4	16-2-52380107-00018	Vũ Mạnh	Cường	4/20/1997	Nam	10.0	4.5	4.5	6.0	6.0	
5	16-2-52380107-00001	Nguyễn Thị Kim	Dung	5/29/1964	Nữ	10.0	6.0	6.0	8.0	7.6	
6	15-2-52380107-00629	Phạm Văn	Hiệu	1/1/1987	Nam	10.0	6.4	6.4	6.0	6.5	
7	16-2-52380107-00002	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	3/13/1980	Nữ	10.0	6.0	6.0	4.5	5.5	
8	15-2-52380107-00630	Phạm Thanh	Huyền	3/16/1982	Nữ	10.0	3.0	3.0	6.5	5.8	
9	16-2-52380107-00081	Nguyễn Văn	Kha	10/5/1979	Nam	6.0	4.0	4.0	4.5	4.5	
10	16-2-52380107-00022	Nguyễn Văn	Lực	9/20/1987	Nam	8.0	4.0	4.0	3.0	3.8	
11	15-2-52380107-00540	Nguyễn Văn	Minh	4/8/1986	Nam	10.0	3.0	3.0	7.0	6.1	
12	15-2-52380107-00633	Tô Hồng	Minh	4/20/1996	Nam	10.0	6.4	6.4	0.0	2.9	Vắng thi
13	15-2-52380107-00634	Vũ Văn	Năng	1/4/1982	Nam	8.0	6.4	6.4	6.0	6.3	
14	16-2-52380107-00023	Nguyễn Bá	Phong	6/7/1985	Nam	10.0	3.0	3.0	3.0	3.7	
15	16-2-52380107-00004	Chu Quyết	Phượng	7/5/1977	Nam	10.0	5.0	5.0	3.0	4.3	
16	15-2-52380107-00543	Vũ Đình	Thơm	10/5/1985	Nam	10.0	3.0	3.0	6.0	5.5	
17	16-2-52380107-00025	Đỗ Đức	Thuần	1/31/1988	Nam	10.0	3.0	3.0	0.0	1.9	Vắng thi
18	16-2-52380107-00026	Nguyễn Thị	Thùy	1/1/1983	Nữ	10.0	6.0	6.0	5.5	6.1	
19	15-2-52380107-00640	Phạm Xuân	Tinh	11/9/1969	Nam	10.0	6.4	6.4	6.0	6.5	
20	16-2-52380107-00027	Nguyễn Khánh	Toàn	11/22/1987	Nam	10.0	10.0	10.0	6.0	7.6	
21	16-2-52380107-00028	Hà Ngọc	Tú	1/1/1979	Nam	10.0	4.0	4.0	6.0	5.8	
22	16-2-52380107-00029	Nguyễn Hoàng	Xuân	3/18/1994	Nữ	10.0	10.0	10.0	6.0	7.6	
23	15-2-52380107-00644	Nguyễn Thị Hải	Yến	2/18/1990	Nữ	10.0	8.0	8.0	6.5	7.3	
24	15-2-52380107-00628	Lưu Quang	Đỉnh	8/16/1986	Nam	10.0	5.0	5.0	4.5	5.2	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T*0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAR201 - MARKETING CĂN BẢN

Lớp: 184201.DKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 8

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00198	Mai Đức	Anh	17/03/1993	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	7.0	8.1	
2	18-2-52340101-00142	Mai Sĩ	Cường	8/12/1993	Nam	7.0	9.5	8.0	8.8	7.8	8.0	
3	18-2-52340101-00199	Nguyễn Thùy	Dương	22/09/1988	Nữ	10.0	9.5	8.5	9.0	7.8	8.4	
4	18-2-52340101-00201	Hoàng Văn	Huyền	11/11/1986	Nam	10.0	8.5	6.5	7.5	7.0	7.5	
5	18-2-52340101-00144	Nguyễn Năng	Quang	13/11/1993	Nam	4.0	10.0	0.0	5.0	0.0	1.9	Vắng thi
6	18-2-52340101-00145	Nguyễn Văn	Quang	9/7/1989	Nam	4.0	9.0	5.5	7.3	7.0	6.8	
7	18-2-52340101-00112	Phạm Thị	Quỳnh	10/9/1995	Nữ	9.0	7.8	5.5	6.7	7.0	7.1	
8	18-2-52340101-00114	Nguyễn Văn	Vũ	26/04/1988	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	8.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAR201 - MARKETING CĂN BẢN

Lớp: 184201.CKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00146	Nhữ Thế	Anh	11/10/1994	Nam	8.0	9.5	10.0	9.8	7.3	8.1	
2	18-2-52340101-00206	Mẫu Tiến	Dũng	21/07/1988	Nam	8.0	9.5	8.5	9.0	6.8	7.6	
3	18-2-52340101-00207	Nguyễn Thị	Huệ	1/10/1985	Nữ	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
4	18-2-52340101-00118	Nguyễn Khánh	Ly	6/11/1993	Nữ	6.0	7.8	8.0	7.9	7.5	7.5	
5	18-2-52340101-00150	Bùi Huy	Thắng	4/9/1986	Nam	8.0	8.5	0.0	4.3	0.0	2.1	Vắng thi
6	18-2-52340101-00120	Trịnh Tiến	Thành	1/11/1982	Nam	6.0	9.0	9.0	9.0	7.3	7.7	
7	18-2-52340101-00205	Tường Duy	Đức	24/11/1969	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	7.0	7.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT104 - TOÁN RỜI RẠC

Lớp: 181101.SKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00044	Tô Văn Khương	Duy	21/07/1992	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	3.8	6.1	
2	18-2-52480201-00063	Trần Thị	Ngân	26/10/1983	Nữ	10.0	9.5	9.2	9.4	7.5	8.3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT104 - TOÁN RỜI RẠC

Lớp: 181101.QTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 22

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 26/05/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00052	Trần Đức	Anh	9/11/1985	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	5.3	7.0	
2	18-2-52480201-00024	Phạm Đức	Dũng	5/6/1989	Nam	2.0	8.0	9.0	8.5	0.0	2.8	Cấm thi
3	18-2-52480201-00025	Mẫn Xuân	Hà	31/10/1993	Nam	10.0	9.5	8.5	9.0	6.5	7.6	
4	18-2-52480201-00026	Nguyễn Văn	Hào	19/11/1998	Nam	8.0	8.5	7.3	7.9	5.3	6.4	
5	18-2-52480201-00054	Nguyễn Thái	Hiền	17/02/1994	Nam	10.0	9.0	8.5	8.8	5.0	6.6	
6	18-2-52480201-00027	Mã Văn	Hiệp	27/04/1990	Nam	10.0	8.0	0.0	4.0	0.0	2.2	Cấm thi
8	18-2-52480201-00029	Nguyễn Quang	Huy	18/03/1994	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0	7.6	
10	18-2-52480201-00031	Nguyễn Văn	Long	30/12/1993	Nam	10.0	10.0	9.3	9.7	2.3	5.3	
11	18-2-52480201-00057	Nguyễn Thanh	Long	21/12/1983	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	8.7	
12	18-2-52480201-00016	Nguyễn Văn	Ngọc	20/07/1990	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	8.5	9.0	
13	18-2-52480201-00074	Trần Huy	Núi	18/12/1989	Nam	5.0	9.0	9.5	9.3	2.5	4.8	
14	18-2-52480201-00017	Hoàng Gia	Phong	29/07/1992	Nam	3.0	9.5	10.0	9.8	0.0	3.2	Cấm thi
15	18-2-52480201-00041	Nguyễn Hưng	Phước	25/12/1994	Nam	8.0	9.0	7.8	8.4	0.0	3.3	Hoãn thi
16	18-2-52480201-00033	Nguyễn Hoàng	Sơn	1/12/1994	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
17	18-2-52480201-00034	Vũ Duy	Tân	12/9/1992	Nam	10.0	8.5	6.3	7.4	5.8	6.7	
18	18-2-52480201-00035	Nguyễn Quang	Thắng	7/12/1991	Nam	10.0	9.0	9.2	9.1	4.8	6.6	
19	18-2-52480201-00019	Lê Thị	Thư	26/03/1997	Nữ	10.0	9.8	8.7	9.3	9.5	9.5	
20	18-2-52480201-00038	Nguyễn Đình	Tiếp	5/5/1995	Nam	8.0	5.3	6.5	5.9	4.3	5.2	
21	18-2-52480201-00039	Nguyễn Hữu Phương	Tuấn	27/07/1986	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	4.0	6.3	
22	18-2-52480201-00012	Lý Văn	Đại	17/07/1995	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	7.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T*0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng